

Phú Thọ, ngày 27 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 282/2025/TLST-HNGĐ ngày 31/12/2025 về việc “ly hôn”, giữa:

- **Nguyên đơn:** anh Nguyễn Sơn N – sinh năm 1985

Địa chỉ: số nhà A, ngõ D, tổ I đường T (phường T cũ), phường H, tỉnh Phú Thọ.

CCCD số: 017085000528 cấp ngày 13/02/2025.

- **Bị đơn:** chị Đinh Thị S – sinh năm 1986.

Địa chỉ: số nhà A, ngõ D, tổ I đường T (phường T cũ), phường H, tỉnh Phú Thọ.

CCCD số: 017186011929 cấp ngày 25/6/2021

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 26; điểm d, khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 01 năm 2026.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 01 năm 2026 là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**I.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Sơn N và chị Đinh Thị S.

**II.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**1.** Về con chung:

Giao cho chị Đinh Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục cháu Nguyễn Đức B (sinh ngày 01/02/2013) cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Sơn N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*)/tháng kể từ tháng 01/2026 cho đến khi cháu Nguyễn Đức B đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Sơn N có quyền thăm nom, chăm sóc cháu con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

## 2. Về tài sản chung:

+ Quyền sử dụng thửa đất số 337, tờ bản đồ số 35 tại địa chỉ phố B, phường K, tỉnh Phú Thọ: sau khi bán, tiền gốc mua quyền sử dụng đất sẽ thanh toán cho anh Nguyễn Trung T (là người mua chung)  $\frac{1}{2}$  giá trị thửa đất cả gốc và lãi, còn lại  $\frac{1}{2}$  giá trị thửa đất cả gốc và lãi anh N, chị S mỗi người được hưởng 50%

+ Quyền sử dụng thửa đất rừng tại địa chỉ phường K, tỉnh Phú Thọ: sau khi bán, tiền gốc sẽ thanh toán cho anh Nguyễn Sơn N là 54.000.000đ, còn tiền lãi sẽ chia làm 03 phần, anh Nguyễn Sơn N được hưởng  $\frac{1}{3}$ , chị Đinh Thị S được hưởng  $\frac{2}{3}$ .

+ 01 Nhà cấp 4: Khi ly hôn, anh Nguyễn Sơn N được toàn quyền sở hữu ngôi nhà tại địa chỉ số nhà A, ngõ D, tổ I đường T (phường T cũ), phường H, tỉnh Phú Thọ; đồng thời anh N có nghĩa vụ thanh toán cho chị Đinh Thị S số tiền chênh lệch đối với ngôi nhà chung của vợ chồng là 35.000.000 đồng. Sau khi anh N thanh toán đủ số tiền 35.000.000 đồng cho chị S, chị S không còn quyền lợi, nghĩa vụ gì tại ngôi nhà nêu trên.

3. Về công nợ chung: Các đương sự không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## 4. Về án phí:

- Đối với việc phân chia tài sản chung: Đây là trường hợp đương sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong quyết định trước khi Tòa án tiến hành hòa giải nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự.

- Anh Nguyễn Sơn N tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên phải nộp 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Được đối trừ 300.000 (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp theo biên lai thu tiền số 00007405 ngày 31/12/2025 Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Kể từ ngày chị Đinh Thị S có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi

hành án xong, nếu anh Nguyễn Sơn N chưa thi hành án số tiền phải thi hành án, thì hàng tháng anh N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

**III.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**IV.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự và người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 5, 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND KV12 - PT;
- CQ THADS tỉnh PT;
- Phòng THADSKV12-PT;
- UBND phường Hoà Bình;
- Các Đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Trần Minh Thêu**